TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST Ngày: 25-9-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng,tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi T, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn I, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vương A, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn I, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2023, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Vi T trình bày:

Chị Vi T và anh Vương A đăng ký kết hôn ngày 24/11/2008, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Vương A không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh bạc, tụ tập rượu chè không chăm lo gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 4 năm 2017, vợ chồng ly thân lần thứ nhất chị T về nhà mẹ đẻ sinh sống, trong thời gian này anh A cũng không hỏi han, quan tâm nhưng gia đình hai bên có khuyên bảo, động viên vì thương con nên cuối năm 2018 vợ chồng quay lại chung sống. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng sau đó không được cải thiện gì, vẫn thường xuyên cãi chửi nhau. Tháng 3/2023 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh A uống rượu say về dùng cây đánh chị T phải nằm viện điều trị, từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị T yêu cầu được ly hôn với anh Vương A.

Về con chung, vợ chồng có 03 người con chung, con lớn Vương Tr sinh ngày 05/01/2010; con thứ hai Vương Đ sinh ngày 21/7/2019; con thứ ba Vương N sinh ngày 23/8/2020, hiện nay cả 03 người con chung đang ở cùng nguyên đơn. Từ khi vợ chồng ly thân, bị đơn không quan tâm hỏi thăm hoặc hỗ trợ gì cho các con, một mình nguyên đơn vẫn đảm bảo cuộc sống tốt cho các con, do đó sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về án phí đề nghị được miễn án phí theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án anh Vương A không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân cho chị Vi T được ly hôn với anh Vương A. Về con chung: Sau ly hôn chị Vi T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung, đến khi đủ 18 tuổi, anh Vương A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi T và anh Vương A, đăng ký kết hôn ngày

24/11/2008, tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, anh Vương A mỗi lần uống rượu hay chửi, đánh vợ con, hiện nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vi T và anh Vương A có 03 người con chung, con lớn Vương Tr sinh ngày 05/01/2010; con thứ hai Vương Đ sinh ngày 21/7/2019; con thứ ba Vương N sinh ngày 23/8/2020. Xét thấy, từ khi ly thân nguyên đơn một mình nuôi con chung bị đơn không hỗ trợ nuôi con; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án điều đó thể hiện bị đơn là người không có trách nhiệm trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 03 người con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu phát triển về mọi mặt. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nguyên đơn chưa yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi T được ly hôn với anh Vương A.

2. Về con chung: Chị Vi T và anh Vương A có 03 người con chung, con lớn Vương Tr sinh ngày 05/01/2010; con thứ hai Vương Đ sinh ngày 21/7/2019; con thứ ba Vương N sinh ngày 23/8/2020.

Sau khi ly hôn chị Vi T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 người con chung, đến khi đủ 18 tuổi. Anh Vương A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Vi T chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Hải Đoàn